

## MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ VIỆC CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM

ThS. Trần Mai Ước  
ĐH Ngân hàng TP.HCM

**B**áo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI đã nhấn mạnh: tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, áp dụng các hình thức thu hút đầu tư đa dạng, hấp dẫn để huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước, phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực cho phát triển (ĐCS VN, 2011a). Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội năm 2011-2020, Đảng ta đã tiếp tục chỉ rõ cần phải: “thu hút FDI có công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường và tăng cường sự liên kết với các doanh nghiệp trong nước” (ĐCS VN, 2011b) là một trong những điểm quan trọng và cần thiết để phát triển kinh tế nhanh, bền vững của nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Môi trường đầu tư là một thuật ngữ không mới nhưng đến nay vẫn có rất nhiều tranh luận về khái niệm này. Môi trường đầu tư được nghiên cứu và xem xét theo nhiều khía cạnh khác nhau tùy theo mục đích, phạm vi, đối tượng nghiên cứu. Môi trường đầu tư được coi là yêu cầu số một để khơi thông các dòng vốn từ mọi tầng lớp dân cư trong nước và nước ngoài. Môi trường thuận lợi thì các doanh nghiệp, doanh nhân mới toàn tâm, toàn ý tập trung trí tuệ, vốn và kỹ thuật để phát triển sản xuất kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của nước nhà trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

Một cách hiểu khác về môi trường đầu tư là tổng hợp các yếu tố về điều kiện pháp luật, kinh tế, chính trị-xã hội, cơ sở hạ tầng, năng lực thị trường và cả các lợi thế của một quốc gia, có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động đầu tư của các nhà đầu tư tại một quốc gia. Hay có quan điểm khác cho rằng, môi trường đầu tư là số lượng và chất lượng các dòng vốn đầu tư đổ vào một quốc gia hay một khu vực cụ thể nào đó phụ thuộc hoàn toàn vào các lợi ích, lợi nhuận mà nhà đầu tư sẽ thu được như dự tính, kể cả những lợi ích kinh tế thu được do các yếu tố tác động ngoài dự tính. Những yếu tố có tác

động đến các lợi ích của các nhà đầu tư mà có thể dự tính, được phân loại dựa trên các yếu tố có liên hệ tương tác lẫn nhau như các vấn đề về cơ sở thượng tầng hay vĩ mô liên quan tới kinh tế, ổn định chính trị, các chính sách về ngoại thương về FDI mà ta thường gọi là kinh tế vĩ mô...

Như vậy các khái niệm môi trường đầu tư dù tiếp cận ở góc độ nào cũng đề cập đến môi trường tiến hành các hoạt động đầu tư kinh doanh, các yếu tố có ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư. Vậy có thể khẳng định, môi trường đầu tư là tổng hợp các yếu tố và điều kiện khách quan, chủ quan bên trong, bên ngoài của doanh nghiệp hay các nhà đầu tư, có mối liên hệ tương tác lẫn nhau, có ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhà đầu tư.

Mặc dù khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, nhưng thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI) vào nước ta đạt cao, trong năm năm từ năm 2006-2010, tổng vốn FDI thực hiện đạt gần 45 tỉ USD, vượt 77,8% so với kế hoạch đề ra. Tổng số vốn đăng ký mới và tăng thêm ước tính đạt 146,8 tỉ USD; gấp 2,7 lần kế hoạch đề ra và gấp 7 lần so với giai

đoạn 2001-2005 (ĐCS VN, 2011c). Dòng vốn đăng ký và thực hiện tăng liên tiếp từ năm 2001 và đạt mức cao nhất vào năm 2008 với số vốn đăng ký đạt 71,7 tỷ USD và vốn thực hiện đạt 11 tỷ USD. Năm 2009, do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế, mặc dù số vốn đăng ký có giảm đáng kể (xấp xỉ bằng 1/3 so với năm 2008), tuy nhiên số vốn thực hiện vẫn đạt 10 tỷ USD. Đặc biệt, sau khi gia nhập WTO và triển khai thực hiện Luật Đầu tư 2005, Việt Nam đã thu hút được những dự án quy mô lớn lên tới hàng tỷ USD. Cùng với việc thu hút các dự án mới, nhiều dự án sau khi hoạt động có hiệu quả đã liên tục mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, tăng thêm vốn đầu tư. Có được những thành tựu đó chúng ta phải kể đến những nỗ lực của Việt Nam trong việc cải cách kinh tế và môi trường đầu tư. Chính điều này là một trong những nguyên nhân giúp Việt Nam có tốc độ thu hút FDI hàng đầu châu Á, luồng vốn FDI vào Việt Nam liên tục gia tăng trong những năm gần đây, nối tiếp đó là một “làn sóng ngằm đầu tư đang đến với Việt Nam” (Trần Mai Ước, 2006).

Những kết quả tích cực nói trên có được là nhờ:

- (i) Trong một thế giới mở cửa và hội nhập, việc cải thiện môi trường đầu tư hoặc hướng tới một môi trường kinh doanh lành mạnh, đủ sức cạnh tranh là đích đến để phát triển kinh tế, xã hội của bất kỳ quốc gia nào, trong đó có Việt Nam (Trần Mai Ước, 2011a) với phương châm là tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, áp dụng các hình thức thu hút đầu tư đa dạng, hấp dẫn (ĐCS VN, 2011c), cùng với việc xóa bỏ các rào cản về đầu tư, Việt Nam đã trở thành một địa điểm hấp dẫn đối với các nhà đầu tư;
- (ii) Khi trở thành thành viên chính thức thứ 150 của WTO, Việt Nam phải thực hiện nghĩa vụ thành viên WTO, với việc điều chỉnh các chính sách kinh tế theo hướng minh bạch và thông thoáng hơn cho các doanh nghiệp, mở cửa thị trường hàng hóa, dịch vụ nhằm tận dụng tốt các cơ hội trong quá trình hội nhập toàn cầu;
- (iii) Trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, việc liên kết để phát

triển là xu thế tất yếu (Trần Mai Ước, 2011b), nhận thức được điều này, các doanh nghiệp FDI mạnh dạn đầu tư mở rộng sản xuất và chính bản thân các doanh nghiệp FDI cũng như doanh nghiệp Việt Nam đã thâm nhập được nhiều thị trường quan trọng trên thế giới. Đây chính là “lợi thế so sánh” nhất định để Việt Nam tiếp tục thu hút mạnh mẽ nguồn vốn FDI.

Tuy nhiên, môi trường đầu tư – kinh doanh của Việt Nam vẫn còn kém sức cạnh tranh so với các nước khác trong khu vực và trên thế giới. Báo cáo về năng lực cạnh tranh toàn cầu năm 2007-2008 do Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) công bố ngày 31/10/2007 cho thấy, Việt Nam chỉ đứng thứ 68 trong số 131 được xếp hạng, giảm 4 bậc so với đánh giá của tổ chức này năm trước. Năm 2009, Việt Nam xếp thứ 75 trong số 133 quốc gia. Tại bảng xếp hạng năng lực cạnh tranh toàn cầu năm 2010-2011, Việt Nam đã vượt 16 bậc và đứng ở vị trí 59. Thứ tự sắp xếp sức cạnh tranh của các nền kinh tế trong Báo cáo cạnh tranh toàn cầu dựa trên chỉ số cạnh tranh toàn cầu (GCI). Chỉ số GCI dựa vào 12 trụ cột cạnh tranh gồm: cơ chế, cơ sở hạ tầng, môi trường kinh tế vĩ mô, y tế và giáo dục cơ sở, giáo dục cao học và đào tạo, tính hiệu quả của thị trường hàng hóa, tính hiệu quả của thị trường lao động, phát triển thị trường tài chính, tính sẵn sàng của công nghệ, quy mô thị trường, khả năng tinh thông trong kinh doanh và tính sáng tạo. Theo The Global Competitiveness Index, GCI là một công cụ mới và toàn diện hơn để đánh giá năng lực cạnh tranh của các quốc gia. GCI nỗ lực để định lượng ảnh hưởng của một số yếu tố quan trọng góp phần tạo điều kiện cho khả năng cạnh tranh, với trọng tâm đặc biệt về môi trường kinh tế vĩ mô, chất lượng của các tổ chức của nhà nước, về công nghệ của đất nước và cơ sở hạ tầng.

Thực tế Việt Nam cũng cho thấy, cơ cấu kinh tế giữa các ngành, lĩnh vực chuyển dịch theo hướng tích cực nhưng còn chậm, đầu tư dàn

trái, hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư thấp, còn thất thoát, lãng phí, nhất là nguồn vốn đầu tư của nhà nước (ĐCS VN, 2011c).

Có thể nói rằng, mặc dù đạt được những kết quả bước đầu, song các dự án FDI vào Việt Nam chủ yếu là các dự án có quy mô vừa và nhỏ, chưa thu hút được nhiều dự án có quy mô lớn, công nghệ hiện đại. Khu vực có vốn FDI có tỷ lệ giá trị gia tăng cao hơn và hiệu quả hơn các khu vực khác nhưng tình hình đầu tư còn kém sôi động. Với lợi thế về nguồn nhân lực, vị trí địa lý và cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật hiện đại, hệ thống giao thông kết nối với các vùng kinh tế trọng điểm, kết nối với cảng biển, sân bay các nước trong khu vực và trên thế giới thì Việt Nam hoàn toàn có khả năng thu hút những dự án có quy mô lớn hơn. Trước yêu cầu tiếp tục đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế để đưa nền kinh tế nước ta lên giai đoạn phát triển cao hơn, thu hút vốn FDI trong thời gian tới cần theo đúng với tinh thần trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội năm 2011- 2020, đó là: “thu hút FDI có công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường và tăng cường sự liên kết với các doanh nghiệp trong nước” (ĐCS VN, 2011b). Với đặc điểm của thời kỳ mới, trong xu thế hội nhập và cạnh tranh toàn cầu hiện nay, cần chú trọng chính sách nâng cao chất lượng nguồn vốn FDI, việc thu hút FDI trong thời gian tới phải chặt chẽ hơn, gắn với quá trình tái cấu trúc kinh tế, thu hút FDI cần được chuyển hướng từ các ngành, nghề thu hút nhiều lao động sang các dự án công nghệ điện tử, tin học, hóa dầu, công nghiệp phụ trợ, dịch vụ cao cấp, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe hiện đại, xây dựng hạ tầng kỹ thuật... nhằm phục vụ quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khai thác hết tiềm năng và hiệu quả của nguồn vốn FDI, tránh tăng thu hút FDI về mặt số lượng, bất kể vào lĩnh vực nào quy mô bao nhiêu, miễn là đầu tư. Đây cũng là bài học từ việc chuyển dịch cơ cấu sản phẩm và xây dựng cơ cấu sản phẩm hợp lý của các nước công nghiệp mới.

Như vậy, đẩy mạnh thu hút FDI phải tránh tư tưởng chạy theo qui mô, tốc độ mà không chú ý đến chất lượng. Trong bối cảnh hội nhập như hiện nay, thu hút FDI nên phải gắn kết với sự phát triển nhanh và bền vững, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. “Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường” (ĐCS VN, 2011c). Trong thời gian tới, để thu hút và nâng cao hiệu quả của dòng vốn FDI tại Việt Nam, theo tác giả cần tập trung giải quyết một số vấn đề sau:

**Thứ nhất**, cần đổi mới tư duy trong thu hút FDI và phải nhận thức được rằng: không thể thu hút FDI bằng mọi giá. Quan điểm khá phổ biến tại các tỉnh, thành phố hiện nay tập trung mọi cố gắng thu hút FDI vào địa bàn của mình bất kể ngành nào, sản phẩm gì, vì vậy FDI đã “dồn” quá nhiều vào các ngành chế biến lương thực – thực phẩm như rượu, bia, nước giải khát, các ngành sản xuất hàng tiêu dùng... chưa có sự đầu tư thích đáng vào ngành sản xuất tư liệu sản xuất, mà chỉ đầu tư lắp ráp cơ khí điện tử. Việc thu hút nên có định hướng và chọn lọc đòi hỏi công tác xúc tiến đầu tư phải được đổi mới, nâng cao chất lượng, hướng vào các đối tác là các tập đoàn xuyên quốc gia, các đối tác nắm công nghệ nguồn, coi trọng các dự án gắn với chuyển giao công nghệ, thân thiện môi trường, tạo cơ chế, chính sách ưu đãi khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực như nông nghiệp, bảo vệ môi trường...

**Thứ hai**, đẩy mạnh hơn nữa cuộc cải cách hành chính, xóa bỏ những giấy phép và thủ tục không cần thiết trong đầu tư, công khai, minh bạch các thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đầu tư để tạo môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi cho các nhà đầu tư; Việt Nam cần phải coi cải cách hành chính, giảm thời gian và công đoạn trong quá trình giải quyết công việc có

liên quan đến hoạt động FDI là yêu cầu quan trọng và thường xuyên của mình. Có như vậy, nước ta mới có thể ngày càng hấp dẫn hơn, trở thành điểm đến thuận lợi hơn trong con mắt các nhà đầu tư trong khu vực và trên thế giới.

**Thứ ba,** thường xuyên tổ chức các cuộc đối thoại, hỏi đáp các nhà đầu tư, tăng cường gặp gỡ với doanh nghiệp để nắm bắt kịp thời những thông tin khó khăn của doanh nghiệp để có biện pháp hỗ trợ và giải quyết kịp thời. Có chính sách động viên, khen thưởng kịp thời đối với những doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh và có nhiều đóng góp cho xã hội.

**Thứ tư,** chú trọng xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại để đáp ứng và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đặc biệt tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào như cấp thoát nước, cấp điện, các cảng biển, nhà máy điện, hệ thống đường bộ cao tốc, chất lượng dịch vụ đường sắt, cơ sở y tế, trường học... Khuyến khích áp dụng những hình thức đầu tư như BOT, BTO, BT, PPP trong đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật.

**Thứ năm,** khắc phục tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực đã qua đào tạo, đặc biệt là công nhân kỹ thuật và kỹ sư, điều này không chỉ đã xảy ra ở các khu kinh tế mới hình thành như Chân Mây, Dung Quất, Nhơn Hội... mà còn ở cả những trung tâm công nghiệp như Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương... Do vậy, cần phát triển nhanh nguồn nhân lực, “nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao”, “đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế” (ĐCS VN, 2011c), đáp ứng yêu cầu của hội nhập và phát triển đất nước. Muốn vậy, cần tránh việc đào tạo tràn lan nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu về chất lượng như thực tế hiện nay. Cần có kế hoạch đào tạo lâu dài, bài bản, tiên lượng trước nhu cầu nhằm đủ về số lượng, hợp lý về

cơ cấu, đảm bảo về chất lượng để phục vụ cho sự phát triển lâu dài của nền kinh tế.

**Thứ sáu,** quá trình thu hút FDI phải gắn chặt với việc sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và phải đảm bảo tính bền vững về môi trường cũng như ổn định về an ninh, trật tự xã hội. Tăng cường kiểm tra, thanh tra và có biện pháp xử lý nghiêm những vi phạm qui định của nhà nước về lĩnh vực nêu trên.

**Thứ bảy,** chú trọng tăng cường các hoạt động xúc tiến FDI như cập nhật, bổ sung nội dung thông tin mới về môi trường, chính sách đầu tư, danh mục dự án gọi vốn FDI hay tổ chức các cuộc xúc tiến tại các nước đang và có triển vọng trở thành nhà đầu tư lớn vào Việt Nam trong tương lai. Công tác xúc tiến đầu tư cũng nên được chuyển hướng theo nguyên tắc bố trí nguồn lực để xúc tiến đầu tư theo chuyên đề, theo ngành, lĩnh vực, theo vùng miền; không xúc tiến đầu tư theo địa giới hành chính để đảm bảo tính liên kết vùng miền, tận dụng tối đa tiềm năng thế mạnh của vùng miền, giảm thiểu đầu tư theo phong trào, đầu tư theo thành tích, đầu tư theo số lượng mà không chú ý đến nguồn FDI “đẳng cấp”■

#### Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011a), Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương đảng khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011b), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 – 2020, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2011c), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Trần Mai Ước (2006), Một số vấn đề về đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam, Tạp chí Công nghệ Ngân hàng, số 9, trang 30.
5. Trần Mai Ước (2011a), Một vài suy nghĩ về việc cải thiện môi trường đầu tư ở Nghệ An, Báo Nghệ An, số 8663, trang 3.
6. Trần Mai Ước (2011b), Tp. Hồ Chí Minh – Căn đột phá trong phát triển du lịch, Báo Đầu tư Tài chính, số 419, trang 5.